

NGUYỄN TRÃI (1380-1442).

Tình Hoài Hương

Lời Phi Lộ

Từ khi Việt Nam rơi vào ngày 30 tháng Tư 1975 “mất nước”, thì hầu như tất cả trường, lớp, vào khoảng thời gian



Hình vẽ Trí Sĩ Nguyễn Trãi

1975 – 1995...) chẳng có giờ học về môn: Công Dân Giáo Dục & Sử Ký Việt Nam nữa. Hôm nay, tôi xin mạn phép kể hầu cùng quý độc giả... những chiến tích oai hùng, những kỳ công anh dũng, và quật cường từ tổ tiên ông cha của chúng ta. Họ đã dày công xây dựng, giữ gìn non sông gấm vóc Việt Nam hưng thịnh trường tồn đến bây giờ... Tiếp theo chuyện **Đức HÙNG ĐẠO Vương TRẦN QUỐC TUẤN** đã ghi. - Nay tôi xin viết tiếp về **Danh Nhân Trí Sĩ: NGUYỄN TRÃI**

Về thời nhà Hồ, có ông Nguyễn Tự khanh công, (nguyên gốc là người ở làng Phụng Nhỡn) ông cùng cả gia đình đã bồng bế nhau di dời linh vị tổ tiên đem đi an táng & nhập tịch tại làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc. Tại làng Nhị Khê, Thường Tín (bây giờ là tỉnh Hà Tây), năm 1380 có một nam nhi chào đời: Đó là ông Nguyễn Trãi. Ông Nguyễn Trãi (con của báng nhãn Nguyễn

Phi Khanh. Đại tư đồ Trần Nguyên Đán là ngoại tổ của Nguyễn Trãi).

Năm 1400, Nguyễn Trãi thi đỗ Thái-học-sinh. Ông tài giỏi về văn thơ, nhất là có công trong việc khai sáng ngành địa lý (1). Ông là một thiên tài về quân sự, là một chính trị gia xuất chúng. Ông Nguyễn Trãi làm quan trải qua hai đời vua: Lê Thái Tổ & Lê Thái Tông.

Tục truyền rằng: Tại làng Hoắc Sa (Sơn Tây) ngày ngày tháng tháng cũng có ông Trần Nguyên Hãn lân la đi khắp đó đây bán dầu. Một lần kia, ông Nguyễn Hãn đi bán dầu tới làng Chèm thì trời đã tối mịt, ông bèn vào nghỉ chân và nằm ngủ ở một ngôi đền cổ. Nửa đêm ông Nguyễn Hãn bỗng nghe một vị thần ở làng khác, đến đền này rủ vị thần ở làng Chèm:

- Chúng ta cùng nhau lên châu trời.

Ông làng Chèm lắc đầu từ chối:

-Đang có quốc công ngủ trọ ở đây, tôi không đi được.

Thế nên một mình vị thần làng kia chỉnh tề áo mũ khăn gói ra đi. Lúc sang canh ba, vị thần làng khác đã trở về, thì thần làng Chèm dò hỏi:

- Ông lên Trời có việc gì mà vội thế?

- Ngọc Hoàng thấy nước Nam chưa có vua, nên cho Lê Lợi (Lê Thái Tổ) làm vua. Ông Nguyễn Trãi ở làng Nhị Khê làm tôi.

Ông Trần Nguyên Hãn đã nghe lóm hai vị thần chuyện trò trao đổi với nhau như thế, trong lòng ông khắp khởi mừng thầm. Ông Nguyễn Hãn liền lặn lội đi đến làng Nhị Khê, cốt ý tìm Nguyễn Trãi. Khi gặp bạn, hai người đã tâm đắc tương phùng, Nguyễn Hãn kể rõ đầu đuôi câu chuyện của hai vị thần cho ông Nguyễn Trãi nghe. Nhưng ông Nguyễn Trãi không tin. Do dự ít ngày, họ cũng tò mò, bức bối và băn khoăn, nên rủ nhau đến làng Chèm, họ vô ngôi đền cổ kính ấy cầu mộng,

được thần báo:

- Việc này nên tới Tiên Dong hỏi, vì bà tiên ấy biết rõ ràng.

Hai người lững thững tìm tới đền thờ Tiên Dong, được báo:

- Lê Lợi ở Nhị Khê làm vua. Còn các ông là bầy tôi.

Họ lặng lẽ nhìn nhau nửa tin nửa ngờ. Ông Nguyễn Trãi quan niệm: “Phúc chu thủy tín dân do thủy” (lật thuyền mới biết sức mạnh của dân như nước). Có vua, có tôi, mà không có dân thì... coi như pha! Thế rồi... hai ông băng rừng vượt núi, lò mò đến làng Lam Sơn (Thanh Hóa) lặn lội bao dặm trường... cốt ý phải tìm cho ra vị minh quân.

Bất chợt họ lạc đến nhà kia, gia nhân xông ra vô chuẩn bị đám tiệc. Họ thấy một người đội nón lá ở ngoài đồng lững thững mới về nhà, quần lấm lem đất bùn lặn xăn lên quá mắt cá chân, áo cánh vải phong phanh cũ sòn. Ông Lê Lợi bình dị ung dung nhìn hai vị khách tùm tùm tươi cười thân thiện, tay ông còn giắt con bò già.

Hai người xin gia nhân cho vào châu Lê Lợi. Quản gia vui vẻ mời họ vào nhà nghỉ ngơi. Hôm sau quả nhiên trong nhà có đám giỗ tung bừng náo nhiệt thật. Hai ông Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn cũng xắn tay áo lên cao, cùng xông xuống nhà bếp nấu thổi. Họ nhìn lên nhà ngang thì thấy ông Lê Lợi một tay xắt thịt, thỉnh thoảng tay kia bốc thịt bỏ vô miệng bồm bồm nhai ngấu nghiến. Họ ngạc nhiên nhìn nhau thì thâm to nhỏ:

- Bà Tiên Dong gạt mình ư! Lẽ nào một thiên tử mà cử chỉ lại tầm thường thế!

Họ bấm nhau cùng lên ra lối sau, bỏ đi cầu mộng lần nữa. Bà Tiên Dong phán:

- Trời đã định, có thiên tinh giáng trần rồi, người đó là Lê Lợi.

Hai ông lại lẳng lẳng trở mắt nhìn nhau, bụng bảo dạ nửa tin nửa ngờ nửa mừng nửa lo. Một lần khác cách đây không lâu, đang đêm hai ông Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn cảm thấy bút rút, bực bội và ám ức, trong lòng nhức nhối không yên, lại lên đến thăm ông Lê Lợi.

Họ thấy Thái Tổ sắc diện quắt thước ung dung khoan hòa, phong độ lịch lãm thư thái, ông đang ngồi say sưa đọc một quyển sách dày. Hai ông bước lên thêm phủ phục xuống đất thưa:

- Từ nơi xa xôi có muôn vàn trắc trở, chúng tôi đã lặn lội đến đây, xin ngài cho chúng tôi theo hầu.

Thái Tổ tùm tùm nở nụ cười hòa ái, thân thiện mời hai ông lưu lại nhà, từ tình cờ sơ giao tới thân thiết chẳng bao lâu, ba người tâm đầu ý hợp hàn huyên rất tương đắc tương phùng về việc: tuyển chọn các cấp binh tướng, huấn luyện binh sĩ, cùng nhau lập kế hoạch khởi binh. Ông Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn cùng vua Thái Tổ bàn thảo rất kỹ với nhau khá cặn kẽ chu đáo, hoạch định chương trình tiến thoái kỹ lưỡng về việc đánh quân Minh ra sao cho vẹn toàn, khi:

Núi Lam Sơn đầy nghĩa
Chốn hoang dã nương mình
Ngẫm thù lớn há đội trời chung
Căm giặc nước thề không cùng sống
Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời
Ném mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.
Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,
Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ
Những trần trọc trong cơn mộng mị,
Chỉ băn khoăn một nỗi đề hồi
Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
Chính lúc quân thù đang mạnh. (*)

Ông Nguyễn Trãi khôn ngoan cho cận thân bí mật lẩy mỡ đặc trét lên những chiếc lá tươi trên cây cao. Thế là bày sâu và đàn kiến lớp lớp bò lên lá tới tận tận hết những chỗ đã bôi mỡ ấy, thì những chiếc lá lòi ra tám chữ:

“Lê Lợi vi quân. Nguyễn Trãi vi thân”.

Sâu cắn hết cuống lá rụng đầy ấp xuống đường, gió thổi lá trôi bồng bềnh trên sông nước dập dềnh... Mọi người dân tình cờ lượm lá lên xem, họ đã thì thầm đồn đãi với nhau: “đó là điềm lành linh ứng do trời đã định”. Thế nên người ta ào ạt đi theo ngài Thái Tổ rất đông như nước vỡ bờ.

Nhân họ Hồ chính sự phiên hà
Để trong nước lòng dân oán hận
Quân cuồng Minh thừa cơ gây loạn
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ
Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế
Gây thù kết oán trải mấy mươi năm
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời.
Nặng thuế khóa sạch không đầm núi.
Người bị ép xuống biển rồng lưng mò ngọc,
Ngán thay cá mập thường luông.
Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng,
khốn nổi rừng sâu nước độc.
Vết sản vật, bắt dò chim sẻ, chôn chôn lưới chăng.
Nhiều nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt.
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ.
Nheo nhóc thay kẻ góa bụa khốn cùng.
Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê
chưa chán,
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch

cho vừa?

Nặng nề những nỗi phu phen tan tác cả nghề canh cửi.

Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi! (*)

Từ năm Mậu Tuất đến năm Bính Ngọ, vua Lê Lợi cùng quân lính đã toàn thắng hơn 20 trận. Thừa thắng xông lên, vua, tướng, cùng binh lính đã ồ ạt tiến sát đến Đông Đô (nơi đây do tướng nhà Minh là Vương Thông đang trấn giữ).

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điều phạt trước lo trừ bạo;
Nhu nước đại Việt ta từ trước,
Vốn xung nền văn hiến đã lâu,
Nước non bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác;
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập;
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương;

Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,
Song hào kiệt thời nào cũng có. (*)

Biết tin chẳng vui, nhà Minh sai Mộc Thạnh và Liễu Thăng chia ra hai hướng khác nhau, cùng đi tiếp viện Vương Thông ở Đông Đô. Thế nhưng vua Thái Tổ quan tướng và quân binh đóng tại núi Mã An, đã giết chết Liễu Thăng, bắt sống Thôi Tự, Hoàng Phúc, và hơn 300 người khác. Vương Thông hốt hoảng mở cửa thành Đông Đô ra đầu hàng. Mộc Thạnh lén chạy trốn về nước. Do vậy, ông Nguyễn Trãi đã ghi:

Thằng nhãi con Tuyên đức động binh không ngừng
Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng đem dầu chữa cháy
Đinh Mùi tháng chín: Liễu Thăng đem binh từ Khâu

Ôn kéo lại

Năm ấy tháng mười: Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam tiến sang.

Ta trước đã điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong
Sau lại sai tướng chặn đường tuyệt nguồn lương thực

Ngày mười tháng tám: trận Chi Lăng Liễu Thăng thất thế

Ngày hai mươi: trận Mã Yên Liễu Thăng cụt đầu

Ngày hăm lăm: bá tước Lương Minh đại bại tử vong

Ngày hăm tám: thượng thư Lý Khánh cùng kế tự vẫn.

Thuận đà ta đưa lưỡi dao tung phá

Bí nước giặc quay mũi giáo đánh nhau

Lại thêm quân bốn mặt vây thành

Hẹn đến giữa tháng mười diệt giặc (*)

Từ lúc binh đoàn hùng dũng của vua Thái Tổ thắng trận vẻ vang, thì tờ thảo hiệp ước do ông Nguyễn Trãi biên soạn ra đời: Nền nước Ta và Tàu lại giao tiếp với nhau. Ông Trần Nguyên Hãn được vua phong làm quốc công.

Hoàng Phúc (Tàu) là người giỏi về khoa tướng số và địa lý, ông ta đã lên biên chép hết những chỗ đất quý ở phương Nam, nơi sinh ra các công hầu vương tướng, hấn đều ghi trộm hết.

Khi Thái Tổ bắt được thượng thư Hoàng Phúc, ông Nguyễn Trãi nhìn y có ý khinh bỉ, thì Hoàng Phúc chỉ cười:

- Mả tổ nhà tôi có “xá vân tinh”, chẳng qua tôi bị nạn mấy ngày. Không như ông, có đất có nhà mà bị tru di tam tộc!

Ông Nguyễn Trãi trừng mắt nhìn Hoàng Phúc mà lặng im suy nghĩ mông lung.

* * *

Tính tình ông Nguyễn Trãi điềm đạm, ôn nhã, nhưng văn chương lưu loát, hùng hồn, đôi khi trữ tình, xao xuyên vấn vương nỗi thương dân nhớ nước, văn phong của ông có khí phách nam nhân và đầy tâm huyết nhiệt tình yêu tổ quốc và đồng bào. Nổi bật nhất là bài văn “Bình Ngô Đại Cáo” và “Lam Kinh Thần Đạo”, điều mà trên dưới trong triều thần và dân gian: ai ai cũng tâm đắc ngưỡng trọng, bội phần kính phục từ chí hướng cao cả, lý tưởng sâu sắc:

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân để thay cường bạo
Trận Bò Đàng sấm vang chớp giạt,
Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay. (*)

Triều đình vua Lê Thái Tông vào niên kỷ 1437 tháng 1 năm Đinh Ty, ông Nguyễn Trãi được giao thêm nhiệm vụ dạy nhạc, dạy vũ & chế nhạc khí. Ông Nguyễn Trãi liền khiêm tốn trình tâu vua:

- Kể ra thời loạn dụng võ. Thời bình chuộng văn. Nay đúng lúc nên làm lễ nhạc. Song nếu vạn vật không có gốc, thì không thể đứng vững. Nếu không có văn làm sao lưu hành! Thái bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc. Nay thần vâng chiếu, ngày đêm tận tâm dốc sức soạn nhạc, thần không dám lơ là qua quýt. Nhưng vì học thuật của thần nông cạn, sợ e thanh luật khó hài hòa. Nay thần dám khẩn xin bệ hạ hãy yêu nuôi muôn dân, để mọi người không còn oán hận buồn than. Có như thế mới không làm mất nguồn gốc của thanh nhạc:

Như nước Đại Việt của ta từ trước
Vốn xung nền văn hiến đã từ lâu
Bắc Nam bờ cõi đã chia

Phong tục mỗi nơi một khác

Hoàng đế Lê Thái Tông nghe xong lời tâu trình của Nguyễn Trãi, thì rất ngợi khen, và vui vẻ sai thợ đi lấy đá ở núi Kính Châu để làm. Nhưng khi triều đình bàn đến chuyện sẽ chế nhạc khí, do vua còn ngây thơ ít tuổi (bảy giờ vua mới 14 tuổi) chưa có kinh nghiệm, non nớt về chính trị và thiếu bản lĩnh, nên vua Thái Tông nghe lời nịnh thần bàn ra của hoạn quan Lương Đăng: (ông ta chuyên sao chép nhạc của nhà Minh, quan văn trong triều không sáng tác được điều chi). Sự kiện này trái ngược với sự uyên thâm đậm đà bản sắc trân quý dân tộc Việt của mình; khiến Nguyễn Trãi rất đau buồn, bèn xin thôi việc soạn nhã nhạc. Khi:

Chẳng những mưu kế kỳ diệu
Cũng là chưa thấy xưa nay
Xã tắc từ đây vững bền
Giang sơn từ đây đổi mới
Càn khôn bĩ rồi lại thái
Nhật nguyệt hối rồi lại minh
Ngàn năm vết nhục nhã sạch làu
Muôn thuở nền thái bình vững chắc
Âu cũng nhờ trời đất tổ tông
Linh thiêng đã lặng thầm phù trợ;
Than ôi! Một cỗ nhung y chiến thắng,
Nên công oanh liệt ngàn năm
Bốn phương biển cả thanh bình...

Về phần ông, Nguyễn Trãi có một trang trại Tiêu Viên ở tỉnh Bắc. Đến đời vua Thái Tông, trí sĩ Nguyễn Trãi không mê danh lợi, đã về ẩn cư tại trang trại ấy.

Huyền sử ghi rằng: Khi ông Nguyễn Trãi chưa thành danh, tại làng Nhị Khê, khi ông sai học trò ra ngoài

đồng dọn cỏ từ một cái gò, để làm nơi dạy học, ông nằm mơ thấy người đàn bà kêu van:

- Tôi mẹ yêu con thơ. Xin ông nán lại ba ngày, tôi sẽ đem con đi nơi khác, rồi ông hãy dọn cỏ.

Ông thức dậy đi ra đồng, thấy học trò đã dọn sạch cỏ ở đồng gò. Nguyễn Trãi hỏi, học trò thưa:

- Có con rắn trong bụi cỏ, chúng tôi đập, nó bị đứt đuôi, đã chạy thoát, chỉ thấy hai quả trứng này.

Ông Nguyễn Trãi suy nghĩ: “Con rắn ấy có lẽ là điềm của người đàn bà báo mộng”, nên ông đem hai trứng rắn về nhà nuôi, chờ nở. Mấy hôm sau, ông đang ngồi đọc sách, thì có con rắn trắng ở trên xà nhà, nó nhỏ một giọt máu xuống, giọt máu đã thấm xuống ba tờ giấy trong trang sách, trứng ngay ở chữ đại (đại= ba đời).

Khi hai trứng rắn kia nở ra, thì một con ngắn, một con dài. Ông Nguyễn Trãi ngậm ngùi sai gia nhân đem hai con rắn nhỏ ra thả trên sông Tô Lịch.

Một hôm khi trời đã tối mịt, ông ở trong triều về ngang qua hàng chiếu, ông gặp cô gái bán chiếu có nhan sắc mỹ miều, muốn đùa với cô gái tí, ông đọc bốn câu thơ:

 Ả ở đâu đi bán chiếu gon?
 Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?
 Xuân thu chừng độ bao nhiêu tuổi?
 Đã có chồng chưa! Được mấy con?!

Người con gái ỏn ẻn cười, đáp lại:
 Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon
 Nỗi chi ông hỏi hết hay còn!
 Xuân Thu tuổi mới trăng tròn lẽ
 Chồng còn chưa có, có chi con.

Ông Nguyễn Trãi thấy nàng xinh xinh mà đáp thơ trôi chảy, gãy gọn và ý từ đều hay. Lòng cảm thấy hân

hoan vui thích, ông liền hỏi tên, thì nàng thưa:

- Thị Lộ.

Ông đã đem nàng về nhà làm hầu.

Có lần khi Nguyễn Trãi có việc đi xa vắng nhà, vua Thái Tôn ngao du qua tỉnh Bắc, vua cùng đoàn tùy tùng đã vào dạo chơi trại Tiêu Viên, nàng hầu Thị Lộ ở nhà pha trà hầu vua. Khốn thay chiều tối hôm ấy vua Thái Tôn băng hà! Triều đình quyết đồ tội Thị Lộ giết vua, nên phán cả nhà ông Nguyễn Trãi bị thảm họa tru di.

Thế nhân bấy giờ mới tin lời ứng nghiệm: Hoàng Phúc được vua Thái Tổ tha về nước, còn ông Nguyễn Trãi mắc oan. Khi vua mất, các quan tướng bắt Thị Lộ tra hỏi, thì nó vu:

- Ông Nguyễn Trãi xui tôi làm.

Triều đình định tội chiếu theo lời cung khai của nó, bắt cả gia đình ông Nguyễn Trãi tru di tam tộc. Riêng tên Thị Lộ thì nhốt vô trong lồng củi, và quăng ra sông Nhị Hà, thì người ta thấy nó hóa thân thành con rắn, chui ra khỏi lồng củi, đi mất (?!). Thiên hạ lại kháo nhau:

- Thị Lộ pha trà mời vua, chính là con rắn nhả nọc độc vô chén trà, nó đã hiện hình người, để báo thù (!!!)

Khi đại gia tộc ông Nguyễn Trãi gặp phải chuyện đau thương hoạn nạn, ông có người vợ bé đang mang thai, nàng lén trốn xuống tỉnh Nam sinh con trai tên Anh Võ.

Đến đời vua Thánh Tông xét duyệt tích xưa, thương ông Nguyễn Trãi mắc hàm oan, vua đã ban chiếu giải oan, phong ông Nguyễn Trãi làm “Thái sư tuệ quốc công”. Vua sai người đi tìm dòng dõi Nguyễn Trãi, mới tìm ra ông Anh Võ.

Vua sai ông Anh Võ qua sứ bên Tàu, khi thuyền ông Anh Võ đi qua hồ Động Đình bị phong ba ầm ầm sóng cuộn. Bỗng thấy con rắn ở dưới nước bò lên, Anh Võ

nghe lại là con rắn độc báo oán thuở trước, ông đã khấn:
- Xin cho tôi làm tròn việc nước, lúc trở về sẽ chịu tội.

Quả nhiên, lúc ông hoàn thành trách nhiệm trở về ngang qua hồ Động Đình, thì mưa gió phong ba bão táp lại cuộn cuộn nổi lên, thuyền bị chìm và ông Anh Võ đã chết đuối.

* * *

Qua năm Cảnh Hưng, triều đình đã duyệt lại các sắc phong cũ những vị khai quốc công thần. Lúc họ duyệt đến phần của ông Nguyễn Trãi, thì ông Lê Quý Đôn xé đạo sắc ấy, mà rằng:

- Bọn loạn thần tặc tử, giữ cáo sắc lại làm gì!

Vừa dứt lời, Lê Quý Đôn bỗng ngã xuống, ông mơ thấy mình bị dắt đến một đền đài, có hai tên lính bắt ông quỳ dưới thềm. Nơi ấy có mấy chục chiếc y, ông thấy một vị quan đỉnh đai uy nghi, anh hào kiệt xuất đang ngồi chễm chệ oai nghiêm trên sập gụ, ông ta mặc áo bố tử, đầu đội mũ, chung quanh ông đầy dẫy lính hầu. Vị quan quắc thước ngồi trên sập đồng đạc nói to mà y như hét:

- Ta là Tế Văn Hầu, ngươi là tiểu sinh, sao dám phi báng người đã có công với tiền triều hã. Tội ngươi thật đáng chết.

Lê Quý Đôn sợ hãi, kinh hoàng nín lặng cúi gằm mặt xuống phủ phục sát đất, không dám ngẩng đầu lên. Bên cạnh vị quan có người mặc áo xanh, đội khăn lượt đã cúi đầu kêu van, xin vị quan oai dũng kia tha mạng cho ông Lê Quý Đôn. Vị quan ấy lại bảo:

- Ngươi đừng tưởng ngươi đỡ bằng nhỡn, mà lên mặt lếu láo khinh người. Công danh sự nghiệp của ta, không thềm so sánh với ngươi. Ta tha cho ngươi, về mà xem ít

câu từ: “Bình Ngô Đại Cáo” của ta nè:

Đánh một trận: sạch không kinh ngạc

Đánh hai trận: tan tác chim muông.

Cơn gió to trút sạch lá khô,

Tổ kiến hồng sứt toang đê vỡ.

Đô đốc Thôi Tụ lê gối dâng tờ tạ tội,

Thượng thư Hoàng Phúc trói tay, để tự xin hàng.

Lạng Giang, Lạng Sơn, thây chát đầy đường

Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước

Ghê gớm thay! Sắc phong vân phải đổi,

Thảm đạm thay! Ánh nhật nguyệt phải mờ.

Bị ta chặn ở Lê Hoa,

Quân Vân Nam nghi ngờ

Khiếp vía mà vỡ mật

Nghे Thăng thua ở Cần Trạm,

Quân Mộc Thạnh xéo lên nhau

Chạy để thoát thân.

Suối Lãnh Câu, máu chảy thành sông,

Nước sông ghen ngào tiếng khóc

Thành đạn Xá, thây chát thành núi,

Cỏ nội đầm đìa máu đen.

Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp,

Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng

Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu

mạng

Thần Vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường
hiếu sinh

Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc
thuyền, ra đến biển mà vẫn hồn

bay phách lạc,

Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa,
về đến nước... mà vẫn tim đập chân run.

Họ đã tham sống sợ chết mà hòa hiếu thực lòng

Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức. (*)

- Nếu người làm hay hơn bài hịch ấy, thì người xé sắc phong của ta, âu cũng đành.
Ông Lê Quý Đôn tinh dậy, sợ hãi tột cùng, lập tức viết lại đạo sắc của ông Nguyễn Trãi.

Chú Thích:

(1) tác phẩm -Úc Trai Dư Địa Chí- Nguyễn Trãi.

(*) Bình Ngô Đại Cáo – Thơ Nguyễn Trãi - Ngô Tất Tố dịch.

Xin trân trọng cảm ơn quý giáo sư Nguyễn Văn Trung, Tam Ích, v.v... đã dạy tôi học môn Văn, Sử, Địa của Việt Nam Cộng Hòa.

Tình Hoài Hương biên soạn bài viết theo lịch sử Việt Nam, từ:

- Một số sách trong Bộ Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa

- Việt Nam Sử Lược (Trần Trọng Kim).

- Nam Hải Dị Nhân (Phan Kế Bính).

- Đại Cương Lịch sử Việt Nam (Nguyễn Khắc Thuần).

- Nation d'Histoire d'Annam, par Maybon et Ruissier.

- Abrégé de l'Histoire d'Annam, par Shreiner.

- Một số nghiên cứu từ Wikipedia

**“Đẩy thuyền cũng là dân
Lật thuyền cũng là dân”**

NGUYỄN TRÃI



Nước Mắt Đỗ Quyên

đông hương

Ngày xưa anh vẫn hay đưa em về Pleiku thăm gia đình anh, anh đã cho em trọn những tháng ngày thật đẹp, đẹp chỉ lạ, như tình anh đã cho em.

Khi về thăm nhà, mỗi ngày anh vẫn đưa em vào rừng, đi trên những con đường mòn anh quen thuộc, viết tên nhau trên thân cây thông hái tặng em những đóa lan rừng và nhiều khi mình đi dọc theo quốc lộ, anh hái đóa Dã Quỳ gài lên tóc em và tiếc là anh quên đem máy để chụp hình em làm kỷ niệm, sau ni lỡ mình có xa nhau, anh vẫn còn có hình bóng em. Có một lần anh đem theo máy, nhờ một người Thượng chụp cho mình hai tấm, một cho anh và một cho em giữ.

Có hôm anh đưa em vào thăm một buôn người Thượng, họ mời mình ăn khô nai và uống rượu cần, anh không muốn cho em thử vì em còn trẻ quá, sợ em không quen sẽ say, nhưng khi mình từ già ra về, trên đường anh ôm và hôn môi em, lần đầu tiên anh hôn em, đó là điều mà anh chưa bao giờ làm vì anh nói muốn giữ đôi môi em trinh nguyên cho đến ngày em 18 tuổi lúc đó anh sẽ hôn em vì đó là ngày anh sẽ

xin ba mẹ cho anh được đính hôn với em ..

Khi em vừa tròn 16 tuổi, anh có giấy nhập ngũ, anh đưa em về thăm lại phố núi, thăm ba anh và các chị, em còn nhớ, đêm đó trăng rất sáng trắng muời sáu như tuổi em.

Sau cơm chiều, anh rủ em đi một vòng trong vườn nhà, đêm trăng, những bông hoa Đỗ Quyên ven rừng rực thắm đủ màu sắc hồng đỏ, trắng ... các chị anh có tay trồng cây và hoa mảnh vườn thật rộng, mình đi thẳng xuống cuối vườn nơi có một dòng suối nhỏ chảy qua, nước rất ấm và lạ một điều là khi tắm xong da dễ trở nên trắng hồng nên các cô gái thích tắm trong những suối như vậy để cho da được trắng. Cạnh suối, chị anh có kê một chiếc ghế dài bằng gỗ để ngồi ngắm trăng. Em nghĩ vì khung cảnh hữu tình nên anh đã làm những bài thơ thật hay.

Đêm đó dưới ánh trăng, em ngồi cạnh suối trên bãi cỏ xanh um, anh nằm gối đầu trên chân em, anh kể chuyện huyền thuyên, hình như anh biết mình sắp xa nhau nên anh muốn hai đứa mình có khoảng không gian êm đềm, chung quanh chúng mình thật yên lặng, chỉ nghe tiếng róc rách của dòng suối và những con đé làm thơ tình tặng người yêu. Bỗng anh ngưng nói cầm chặt tay em vít đầu em xuống sát mặt anh, hôn em tới tấp, như có một luồng điện cao tầng cho cả hai đứa, anh đặt em nằm dài lên cỏ, em chợt cảm thấy một điều gì thật lạ mà em chưa hề cảm nghiệm hình như rạo rục thì phải, em run lẩy bẩy dưới những chiếc hôn nồng của anh, anh thì thâm trong tai em:

- Đỗ Quyên, anh muốn ... (anh ít khi gọi em bằng tên thiệt vì anh nói tên em rất đẹp, chỉ dành riêng cho anh thôi. Anh gọi em là Đỗ Quyên vì nhà anh trên núi trong vườn chị anh trồng đầy hoa này và anh thấy hoa rất đẹp, nếu có ai gọi em là Đỗ Quyên thì không sao)

-??

- Anh muốn được yêu em
- Thì anh vẫn yêu em mà
- Em không hiểu sao?

- ??

- Em cho anh nghe, cho anh nguyên trình của em chỉ còn mấy hôm nữa anh đi rồi, em cho anh cuộc đời con gái của em, nghe Đỗ Quyên, nghe Đỗ Quyên !

Lúc đầu em sợ, nhưng sau đó em nghĩ anh yêu mình và sau này anh sẽ là chồng mình thì cho trước hay sau cũng rứa thôi, và như vậy khi anh đi lính, anh có gì đem theo để nhớ mãi em. Và em đã cho anh đời em đêm đó.

Anh đã dịu dàng dìu em vào con đường tình đầu tiên vừa hé mở cho em, sau cơn đau đầu đời em đã rung cảm cùng tần số với anh.

Anh đã hứa sẽ yêu em trọn đời và ngày anh đi lính về, em sẽ là của anh mãi mãi ...



Nhưng rồi ngày anh về thật xa, em vẫn chờ cho đến ngày em phải đi học xa, em lên thăm ba anh và các chị. Lúc em ra bến xe về Sài Gòn, ba anh hôn lên tóc em nói :

- Con nhớ chờ anh con nghe con .

Em gạt đầu trong nước mắt

- Dạ con hứa.

Thời gian đầu em vẫn có thư và tin tức anh, anh mãi

khóa Võ Bị Thủ Đức, nộp đơn vào Binh Chung Biệt Động Quân, em hỏi anh tại răng, anh nói anh thích đâm đá và vì ở Binh Chung này, bạn anh rất nhiều. Rồi chiến tranh lan rộng, đơn vị anh đang đóng ở Pleiku phải đi hành quân hoài, nhất là đại đội anh là đại đội trinh sát nên phải đi trước vài hôm, rất nguy hiểm. Thỉnh thoảng anh được nghỉ phép đặc biệt, em về Pleiku thăm gia đình anh để có thời gian thăm anh vài giờ vì em không có quyền ở trong trại với anh. Rồi đơn vị anh di chuyển ở những chiến trường khác và em mất bật tin anh.

Vài lần em có lên gặp ba và các chị, thấy em nhớ anh nên gầy hẳn làm các chị cũng lo cho em không đủ sức chịu đựng và ái ngại cho em, ba và các chị cũng như em, không có tin tức gì về anh. Rồi em phải đi học ở Nhật, xa nhà vài năm

Khi học xong em về lại quê hương, có đến thăm ba thì hay tin ba đã mất, em đau đớn chí lạ, mất anh, mất ba, các chị đi lấy chồng, em cảm thấy mình thật bơ vơ. Tuy vậy các chị và em vẫn liên lạc thường với nhau, nhưng tin tức anh thì thật hiếm... Chiến tranh đã đến lúc khốc liệt, đâu đâu cũng nghe tiếng súng từ thôn quê đến thành thị...cho đến ngày 30 tháng 4 /75 thì mất nước, và từ đó em bật tin anh luôn.



Mấy năm sau em nhận được một lá thư của chị anh, nói là anh ở tù về và đã lập gia đình. Trời ơi em cảm thấy mình sụp đổ.

Em có chồng ... và thế là mình xa nhau mãi. Cái buồn trong tim em vẫn trĩu nặng: vì chồng em không phải là anh !.....

Chồng em cũng là lính, binh chủng TQLC, anh ấy rất tốt và rất thương yêu em, lúc đầu mới về nhà chồng, vẫn chưa quên được anh. Nhưng thời gian sống cùng với người chồng quá thương vợ, em cũng cảm động rồi tình yêu cũng đến, tuy không giống như tình yêu dành cho anh nhưng cũng được hạnh phúc. Có điều các anh là lính, hành quân rày đây mai đó nên em cũng cô đơn.

Một ngày em nhận được giấy báo tử, chồng em chết trong trận đánh cuối cùng ở Đà Nẵng, anh đã bị trúng mảnh pháo địch lúc trên đường rút lui, bị thương nặng, nhờ đồng đội cố gắng cứu được anh để đưa về quân y viện nhưng anh ấy đã chết trên tay Hân, người bạn thân của anh ấy, đem được xác anh về chôn ở nghĩa trang QĐ BH. Số trời đã định cho em làm người yêu của lính rồi trở thành góa phụ.

Mấy năm sau em cùng gia đình chồng vượt biên, cũng may nhờ trời biển yên gió lặng và không gặp hải tặc, thuyền em được tàu Mỹ cứu và đưa về Subic Bay, ở trong trại tị nạn với gia đình chồng 2 năm và được người anh chồng bảo trợ nên gia đình đến Mỹ.

Đầu năm nay, nhân dịp đi ăn Tết của hội đoàn TQLC ở Cali, tôi bỗng gặp lại một người bạn cùng khóa của Phú (người yêu cũ) cho tôi hay anh còn sống, sau trận đánh cuối ở gần Sài Gòn, anh bị thương với bạn đồng đội, hai người gắng trốn về Sài Gòn nhưng bị bắt và đi tù cải tạo. Bị giam ở Đồng Ban gần CàTum, sát biên giới Việt-Miên. Ở đó gần 10 năm, anh được thả về Sài Gòn, nhưng anh bị mất tờ Giấy Ra Trại nên anh phải đi kinh tế mới trên Dầu Tiếng.

Người bạn cùng khóa Thủ Đức với anh là một cựu Địa Phương Quân, bạn thân của anh kể với tôi là Phú nghèo lắm, vì không có giấy ra trại nên không tìm được việc làm, Phú đi kinh tế mới làm nghề đốn củi làm than mang về Sài Gòn bán, anh sống lây lất qua ngày, sau đó anh gặp con gái của ủy ban tỉnh anh đang ở, nghe nói cô ta hồi xưa học chung trường với Phú, mê Phú vô cùng nhưng lúc đó Phú đã yêu tôi nên cô ta buồn lắm, bây giờ cô ta gặp lại Phú, thấy hoàn cảnh Phú như vậy, cô ta muốn lấy Phú làm chồng.

Hoàn cảnh trái oan quá, nghèo, mất tôi nên Phú nhắm mắt ừ đại. Phú sống với cô ta có được 2 đứa con một trai và một gái. Sau này Phú với vợ trở về Pleiku mở quán ăn ở đường Hoàng Diệu cũ. Nghe bạn anh nói, tôi nghĩ Phú muốn về lại Pleiku là để tìm lại những dấu tích bạn đồng đội cũ và có thể để nhớ cuộc tình đầu của anh với tôi?

Hai tháng sau, tôi về Việt Nam thăm lại quê hương vì từ khi vượt biên đến giờ, tôi chưa hề đặt chân trở lại quê hương, và mục đích chính là muốn gặp lại Phú xem bây giờ ra thế nào.

Về đến Sài Gòn, tôi đi thăm mộ Hân ở NTQĐBH xong lấy xe đò về Pleiku tiện thể thăm chị Thu Hương, người bạn vẫn xem tôi như đứa em gái.

Sau một ngày ở chơi với anh chị, tôi gọi xe ôm ra phố. Pleiku bây giờ thật xa lạ, từ hàng quán cho đến người và đường xá dơ bẩn lộn xộn. Buồn nhất là nhớ những ngày còn lính đóng quân ở đây, những chiếc xe Jeep, GMC, đầy đường, những ngày xưa thân ái mà bọn con gái chúng tôi ai cũng thèm được làm người yêu của lính...Bây giờ toàn là xe máy, nhà cửa ai muốn xây sao thì xây, dân thì tứ xứ, thấy chán, nhất là tình cảm của mình đã bị tổn thương nặng.

Tôi tìm đến địa chỉ quán của Phú, bước vào tìm một bàn trong góc để tiện quan sát. Người đàn bà người Bắc coi cũng không đến nổi tệt, loay hoay với công việc bếp núc vì lúc này khách cũng khá đông.

Hai đứa con anh mặt mày sáng sủa, tôi thấy chút chạnh



Pleiku 1973

lòng nếu anh cưới tôi, thì con chúng mình sẽ ra sao Phú nhỉ?

Đang vợ vẫn nghĩ, tôi không thấy người đàn ông đi đến bàn tôi chào: Cô dùng gì ạ? Tôi giật mình ngừng mặt: Phú không nhìn ra tôi, tôi lắp bắp vì quá bất ngờ nhìn thấy người xưa, anh thay đổi nhiều, mặt anh không còn nét dễ thương ngày xưa, mà phong trần, rám nắng, người anh gầy, lưng hơi còm chắc lúc đi tù làm việc nặng, rồi lại đi đôn củi làm than...

Tôi run giọng gọi một tô mì Quảng, vài phút sau anh ta mang đến cho tôi. Tôi cúi gằm mặt ăn thật mau. Tôi gọi anh đến tính tiền, Phú hỏi tôi có muốn uống thêm gì không, tôi lắc đầu, Phú vẫn đứng dù đã thói tiền xong, anh lặng lẽ nhìn tôi, hình như muốn hỏi tôi điều gì.

Tôi vội vã đứng dậy chào Phú và ra cửa đi thẳng. Chừng vài bước, tôi lên quay lại nhìn thấy Phú vẫn đứng ngay cửa quán nhìn về phía tôi, có vẻ phân vân...

Tôi buồn nên muốn đi một vòng phố Pleiku tìm lại những kỷ niệm cũ, tình cờ thấy mình ngang qua nghĩa trang của thành phố này, tôi chợt nghĩ đến Hân chồng mình đang yên

giấc thiên thu trong NTQĐ BH ở Sài Gòn, thấy có quán bên đường bán đủ thứ, tôi ghé vào hỏi bà chủ có nhang không, bà bảo có, tôi mua một thẻ nhang và hộp quạt máy, bà ta tò mò hỏi tôi bộ tôi có thân nhân chôn ở đây, tôi gật đầu để



Pleiku 1973

khôi bị hỏi tới, trả tiền rồi bước ra.

Tôi đi một vòng nghĩa trang, tìm thử trên những mộ bia có hình lính nào không, thấy có vài tấm mộ có hình và tên tử sĩ, trời ơi, có vài em mới có 19 tuổi đầu! Tôi ngồi xuống thì thầm khấn và thấp hương. Nghĩa trang thật tiêu điều không ai chăm sóc, nhất là những ngôi mộ lính, thấy lòng buồn sao đâu!

Xong tôi ra cửa, gọi xe ôm về nhà chị Thu Hương. Pleiku chiều hơi lành lạnh, và hình như mưa? Không, không phải mưa mà là lấm tẩm vài hạt nước mắt đang rơi dài trên má, nhớ Hân, nhớ Phú...những hạt nước mắt của mình, nước mắt Đỗ Quyên.



Anh Bạn Láng Giềng của Cali

Hoàng Đức

Đạo tôi còn ở tiểu bang “Gà Chiên” tức là tiểu bang Kentucky, hành nghề “gõ đầu trẻ” tại một thành phố mà cư dân đa số sống bằng nghề khai thác mỏ than, tôi mới biết rằng California cũng rất hấp dẫn đối với dân Mỹ ở các tiểu bang xa vùng nắng ấm quanh năm này, tương tự như dân Việt Nam, miền Trung khi nghĩ về Sài Gòn.

Tôi còn nhớ trong lúc tôi đang chán nản với cái “nghề bội bạc” (“Métier ingrat” như người Pháp quan niệm) vì lũ học trò Trung học ngỗ ngược, phá phách, chẳng hề quen biết cụ Không Tử nên chưa bao giờ nghe nói đến câu “Quân Sư Phụ” thì được thư một ông bạn rủ tôi về Cali làm nghề “Landscaping”. Tôi ù ù cạc cạc chẳng biết mô tê gì về cái nghề này mà bạn tôi thì lại nói là ông ta được vợ chi tiền cho ăn học ở Đại học để làm nghề này và cũng hái được khá bộn tiền.

Thế là không cần phải “nghiên kú” gì lôi thôi hết, vừa sắp hết niên học là tôi làm đơn xin từ nhiệm và hân hoan

tuyên bố với học sinh rằng sang năm, tôi sẽ không còn dạy chúng nữa và về Cali làm Landscaping. Vừa nghe đến California là lũ học sinh của tôi la réo âm ỹ, vui như Tết và có đứa còn hát ông ổng bài “California girls”. Lúc bấy giờ, tôi mới biết là dân Mỹ cũng khoái Cali như chúng tôi đã từng mê Sài Gòn. Lúc vừa mới lấy xong mảnh bằng Tú Tài đôi, một hai, năn nỉ Bố, Mẹ cho vào Sài Gòn học Đại học, mặc dù ở quê tôi cũng có một Viện Đại học không kém tầm vóc so với Đại học Sài Gòn.

Về đến Cali mới ngã người ra vì va chạm thực tế! Té ra cái nghề Landscaping nói nôm na ra là nghề “cắt cỏ”. Thế là tan vỡ “mộng ban đầu”! Đang từ một ông giáo, dù là giáo già tỉnh lẻ thì cũng có “dưới tay” một số học trò ngoan biết kính nể mình, ngoại trừ một vài đứa thuộc loại đầu bò, đầu búa, “nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi” như học trò của cụ Cao Bá Quát, nay bỗng nhiên rớt tuột xuống làm cai thầu cắt cỏ, điều khiển vài anh Mẽ vai u thịt bắp ngày ngày đi cắt cỏ tại các tư gia thì chịu đời sao thấu, hờ Trời!

Tôi đâm ra oán giận ông bạn của tôi. Cứ ngỡ rằng ông ta trước đây là giáo sư Triết, qua Mỹ trước tôi nhiều năm, lại được vợ cho đi học Đại học thì nghề ngỗng của ông ta cũng khá, ai ngờ ông ta, tính gàn gàn cố hữu của triết gia vẫn còn nguyên si nên không chọn nghề gì để làm, lại đi chọn nghề cắt cỏ. Đã thế lại còn không chịu giải thích cho tôi rõ về nghề nghiệp của ông để tôi nuôi bao nhiêu là hy vọng khi từ bỏ nghề mô phạm tôi đã đeo đuổi mấy chục năm trời.

Nghĩ lại mà vẫn còn ngượng chín cả người khi nhớ là đã huênh hoang tuyên bố với lũ học trò của tôi, với các đồng nghiệp trong trường rằng tôi về Cali làm Landscaping. Thôi thì cũng đành vui với câu “Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”, không có nghề nào hèn, nghề nào trọng như “Quốc văn giáo khoa thư” đã từng dạy lúc tuổi còn thơ. Tôi cũng tự an ủi rằng biết đâu học sinh của tôi và các đồng nghiệp của tôi đã phục tôi sát đất vì đã từ bỏ một nghề cổ cồn trắng “white collar” để chọn nghề “blue collar” lao động chân tay.

Thực ra Landscaping cũng có nhiều đẳng cấp, từ thuần túy làm vườn, cắt cỏ đến xây dựng những công trình kiến trúc nghệ thuật mà nếu không có trình độ kiến thức chuyên môn bậc Đại học thì khó thể thực hiện được. Nhưng, tôi đã hụt hẫng khi về đến quận Cam, nghe bạn bè và thân nhân mô tả ngành nghề mà tôi rắp tâm theo đuổi khi nạp đơn từ nhiệm lên văn phòng ông Hiệu trưởng trường Trung học Harlan, một thành phố nhỏ của tiểu bang Kentucky.

Thế là tôi ở lì tại quận Cam, và không lên San Jose thăm ông bạn triết gia của tôi, người đã rủ rê tôi về Cali làm nghề cắt cỏ. Ông ta cũng không hề nhắc nhở gì đến việc ông rủ tôi về Cali, có lẽ ông cũng không còn có ý định muốn nhường tôi một vài mớ cắt cỏ của ông, vừa khỏi mất một số tiền thâm nhập hàng tháng vừa khỏi mất công chỉ dạy, huấn luyện nghề nghiệp và cuu mang tôi những ngày đầu tôi tập tễnh ra nghề. Vậy là tôi mất đi một dịp tiếp xúc với các ông bạn láng giềng của Cali, những người Mẽ chon chắt, tha phương cầu thực như tôi, những người Mẽ mà ở Cali đã có câu “đồng dao”:

“Không ăn đậu, không phải Mẽ, không đi trễ, không phải Việt Nam.”

Xin bàn đến vế sau của câu đồng dao, trước khi nói đến người láng giềng của Cali.

Số là ở quận Cam, dân Việt Nam lưu vong đông nhất trên thế giới nên gần như tuần nào cũng có đám cưới và tiệc cưới tổ chức tại các nhà hàng, nhất là các nhà hàng Tàu vì dân ta vốn ưa “Ăn cơm Tàu, ở nhà Tây và lấy vợ Nhật”. Mơ ước xa xưa này hiện nay đang được xét lại! Lấy vợ Nhật thì tôi chưa “thử” qua nên không dám bàn vì không dám so sánh với vợ Việt Nam, sợ móng vuốt “Su tử Hà Đông”. Nhưng vấn đề nhà Tây thì cứ nghĩ nguyên cả nước Pháp diện tích nhỏ hơn Texas thì nhà cửa làm sao rộng lớn, tiện nghi và xinh đẹp sánh với nhà ở Mỹ được. Qua Mỹ, mới biết đến vấn đề Cholesterol vì ăn uống thừa mứa chất béo bão hòa và đã biết đến cái nguy hại của cholesterol thì không còn ham xoi cơm Tàu

nhiều dầu, lắm mỡ nữa. Thế nhưng vì người Tàu gần như độc bá quần hùng trong lãnh vực ẩm thực nên các tiệc cưới vẫn được tổ chức tại nhà hàng Tàu. Đám cưới nào, trên thiệp mời cũng ghi rõ ràng tiệc cưới bắt đầu lúc 6:00 hay 7:00 là trễ nhất. Thế nhưng khách mời Việt Nam không biết tại sao lại quên mất câu “Ăn cổ đi trước, lợi nước đi sau” nên bao giờ cũng tà tà, thông dong, nhớn nhơ con cá vàng, lè mề, lể mễ, đi trễ, không nhiều lắm đâu, chỉ trễ chừng một tiếng hay một tiếng rưỡi mà thôi. Vì vậy tiệc cưới thường bắt đầu vào lúc 8:30 mặc cho những quan khách quen thói đúng giờ chờ đợi đói meo cả ruột. Và vì thế mới có câu “Không đi trễ không phải Việt Nam” để hợp vần với “Không ăn đậu, không phải Mễ.”



Trong ký ức của tôi, hình ảnh người Mễ Tây Cơ bao giờ cũng gắn liền với chiếc mũ rộng vành và cây “guitare”, ca hát nhảy múa tung bừng trong các ngày lễ hội, một hình ảnh sống động

và vui tươi rất chi là nghệ sĩ. Mãi cho đến lúc về cư ngụ tại miền Nam Cali, giáp ranh với Mễ Tây Cơ, hình ảnh của người Mễ trong phim ảnh mới bắt đầu gây một ấn tượng mới mẻ trong tôi, nếu không muốn nói là đã sụp đổ trong tôi.

Dĩ nhiên hình ảnh sinh động của họ vẫn còn tồn tại trong các ngày lễ hội như “Cinco de Mayo”, nhưng nhan nhản trên phố phường, nhất là ở một số địa điểm như Home Depot, những bãi đậu xe đông đúc xe cộ, dân Mễ y chang là hình ảnh của người tha phương cầu thực. Họ sống không có ngày

mai, sống từng ngày cho qua ngày tháng với số thu nhập thật khiêm nhường của người lao động chân tay. Ai cần họ làm bất cứ việc gì họ cũng sẵn sàng làm, không nề hà khó nhọc, từ khâu vác, cắt cỏ, làm vườn, đến các công việc liên quan đến ngành nghề xây cất, cần đến khả năng chuyên môn như điện, nước, nề, mộc vv... Họ thường đi làm công, ăn lương giờ, giúp các ông nhà thầu Landscaping cắt cỏ, xây cất lát vật mà suýt nữa tôi đã là một trong các ông chủ này.



Người lao động Mễ chờ đợi được thuê mướn. (nguồn: WBUR)

Một số người Mễ ở Cali, nhất là ở Quận Cam này, sinh sống thật bấp bênh, không giấy tờ di trú hợp lệ, không nghề nghiệp vững chắc, không nhà cửa, hay nói cho đúng ra là họ năm người hay thậm chí mười người chỉ cần thuê một “apartment” gồm 1 hay 2 phòng ngủ chỉ đủ chỗ nằm ngủ la liệt lúc đêm về sau một ngày lao động cực nhọc. Vậy mà ngày cuối tuần, ở những khu chung cư nghèo khổ, lúc trời vừa tắt nắng, ta sẽ thấy một hoạt cảnh sinh động, tươi vui của những chàng trai trẻ người Mễ, tay cầm lon bia, đứng dựa lưng bên chiếc xe hơi đời một ngàn chín trăm lăm lăm rồi, ca hát hồn nhiên theo tiếng nhạc phát ra từ một chiếc radio-cassette. Bản tính nghệ sĩ của người dân Mễ Tây Cơ bộc lộ rõ nét trong những sinh hoạt như thế này, gợi nhớ lại những cảnh đời tươi vui của phim ảnh thập niên năm mươi

lúc ở quê nhà khi chúng ta bước đầu làm quen với thế giới điện ảnh Mỹ.

Những người Mễ, xa quê hương tuy là gần sát bên vách của họ, sông không có ngày mai, có đồng nào xào đồng này, đã nói lên cảnh nghèo khó của quê hương họ dù ở kề cận một quốc gia giàu có, phồn thịnh nhất thế giới.

Bước qua ranh giới hai nước Mễ và Mỹ ta mới thấy rõ sự khác biệt giữa một nước cường thịnh, tân tiến và một nước chậm tiến, kém mở mang với nền kinh tế èo uột không đủ nuôi sống dân chúng nên cứ mỗi lần nghe Hoa Kỳ tăng cường các biện pháp ngăn ngừa di dân lậu tràn qua biên giới là chính phủ Mễ lại lên tiếng gay gắt chỉ trích một cách hàm hồ, phi lý chính sách thân nhận di dân của Mỹ.

Nhìn họ, quan sát nếp sống của họ, tôi bỗng nghĩ nếu như quê hương chúng ta nằm bên cạnh Hoa Kỳ thì chẳng mấy chốc mà nước Mỹ bị chúng ta xâm nhập và đồng hóa vì đức tính cần cù, nhẫn nại và trí óc thông minh của nòi giống Lạc Long. Tôi không phủ nhận những thành công khả quan của di dân Mễ trên đất nước Cờ Hoa này với một dân số ngày càng bành trướng đến mức độ chóng mặt mà các nhà dân số học đã tiên liệu là sẽ tràn ngập dòng chính của Hoa Kỳ trong nay mai. Nhưng nhìn chung, dân Mễ vẫn còn nghèo khó bên cạnh những di dân thuộc các quốc gia khác trên thế giới đang an cư lạc nghiệp trên đất Mỹ.

Điều đáng nói là họ có một thân vóc cao lớn, khỏe mạnh, một đời sống tinh dục thật sôi động ít dân tộc nào sánh bằng, thế mà họ chưa đạt được những thành quả tương tự như những cộng đồng thiểu số khác trên đất nước đa chủng tộc này. Đã có thời gian, tôi làm việc với các đồng nghiệp người Mễ nên đã biết khá nhiều về những sinh hoạt của họ như ăn uống, làm tình, phong tục tập quán của họ vv... Tôi để ý thấy họ ăn đậu thật nhiều, đủ loại đậu, xanh, đỏ, trắng, vàng, đen, nấu sền sệt béo ngậy, mới thoạt nhìn đã thấy ón lên đen tện cổ. Chẳng thế mà người Việt Nam ta tại Cali đã mô tả: “Không ăn đậu, không phải Mễ”.

Một lối ẩm thực khá độc đáo khác của họ mà tôi chắc không mấy ai lưu ý là họ dùng chanh rất nhiều. Một tô xúp nhỏ, họ vắt vào hai quả chanh to bự đầy nước. Một đĩa trái cây gồm xoài, dưa hấu, mít, cantaloupe, nectarine, peach, honey dew, chuối, cam vv... họ cũng vắt chanh vào, chưa ăn mà tôi đã muốn xách quần chạy vào “restroom” rồi. Và quả thật như thế, một hôm, tôi tò mò bắt chước họ, mua một đĩa trái cây và vắt chanh vào ăn tráng miệng bên cạnh chiếc xe bán đồ ăn trưa và ăn vừa khỏi miệng là tôi bị Tào Tháo rượt chạy có ngù. Người Mẽ cũng thích đồ ăn sống như món tôm sống ăn với nước sốt làm bằng cà chua cắt từng lát nhỏ trộn vào thật nhiều chanh và tiêu, ớt trông thật ngon mắt. Tôi thích món này nên thỉnh thoảng tự làm lấy, ăn một mình và trong gia đình tôi, ai cũng cười tôi là lai Mẽ.

Tôi nghĩ dân Mẽ mạnh khỏe hơn chúng ta vì họ ăn nhiều chanh và nhiều bột. Chanh, thì ta có thể bắt chước họ nhưng

bột thì chắc phải chào thua. Chẳng biết tình dục học và khoa dinh dưỡng có thấy chanh và bột có tác dụng trên đời sống tình dục của người dân Mẽ không, chứ tôi



Lễ Cưới Người Mẽ

đồng nghiệp người Mẽ cho biết thì ngay cả chính họ cũng chào thua những đòi hỏi sinh lý của các kiều nữ người Mẽ mà họ thường gọi là “super-hot”.

Tôi có ông bạn làm đám cưới cho thằng con trai lấy vợ Mẽ. Tôi đi dự tiệc cưới và tự hỏi không biết thằng này “làm ăn” ra sao và kéo dài được bao lâu cuộc sống vợ chồng với cô vợ Mẽ thịt da giòn giòn. Quả nhiên, chỉ mấy tháng sau,

gặp lại thằng con ông bạn tôi, không biết tôi có bị in trí hay không mà tôi thấy nó xanh xao, vàng vọt. Tôi tò mò hỏi xem đã sắp có tí nhau chưa thì nó cười bảo đã tan hàng rồi. Chẳng biết vì lý do gì, nhưng tôi nghĩ chắc không ngoài lý do kham không nổi...Đúng là nghèo mà ham!

Sống ở miền Nam California, sát biên giới Mỹ, Mễ, không nhiều thì ít chúng ta cũng có dịp tiếp xúc với cộng đồng người Mễ. Ngoài khía cạnh tiêu cực liên quan đến một số người Mễ không nằm trong tầng lớp khá giả trong xã hội, chúng ta phải công nhận một điều là họ sống rất đoàn kết. (Không đoàn kết thì làm sao mà liền một lúc hai chị em ra ứng cử dân biểu liên bang đều đắc cử.)

Cứ nhìn cảnh họ tụ họp trước Home Depot trên bãi đậu xe, ta cũng đã thấy nếp sống hiền hòa, chất phác của người Mễ, ngay cả trong lúc họ tranh nhau chạy nhào đến bên cạnh xe ta để mong được gọi đi làm việc.

Ta có bao giờ nghĩ đến hoàn cảnh sống của những thanh niên nam nữ người Mễ đứng bán hoa ở các ngã tư đường, đèn xanh đèn đỏ không? Tôi tự hỏi một ngày họ bán được bao nhiêu bó hoa hồng. Làm thế nào để bán được hoa khi xe chỉ dừng lại vài phút, không đủ thì giờ để người lái xe rút tiền trong ví ra, chưa kể là phải chờ nhận tiền thối lại. Thế mà họ vẫn kiên nhẫn kiếm sống bằng phương cách đó.

Nhìn sinh kế của họ, lại nghĩ đến những em bé bán vé số trên quê hương ta, không biết mỗi ngày các em kiếm được bao nhiêu tiền lời để sinh sống. Thế mà lại có người về quê hương để hưởng thụ rồi lúc trở lại nơi xứ Cờ Hoa, họ bô bô mồm, khoe khoang những thành tích ăn chơi, những ngày vui sống phè phỡn trên quê hương mà không hề nghe họ kể đã mua được bao nhiêu tấm vé số để giúp các em bé nghèo đói đang kéo lê kiếp sống đọa đày khác hẳn với “cuộc sống lưu đày” của họ trên đất nước đã từng cuu mang họ từ lúc xa rời quê hương yêu dấu. Nghĩ cũng nực cười!